

Bản án số: 127/2023/HS-ST

Ngày: 04/4/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Thẩm phán: Ông Lê Công Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Nam.
2. Bà Võ Thị Thanh Tâm.
3. Bà Trần Thị Như Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Thắng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2023/HSST ngày 12/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1120/2023/QĐXXST-HS ngày 16/3/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: **28/9/11 L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1 M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T1**; chưa có vợ, con; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số 115/HSST ngày 07/5/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 40 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, thi hành án tại **Trại giam K - Bộ C2**, đã nộp án phí.

Tiền án: Tại bản án số 268/HSST ngày 04/02/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp với hình phạt 11 tháng 25 ngày tù chưa chấp hành xong của Bản án số 115/HSST ngày 07/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 8, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 11 tháng 25 ngày tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2009, chưa thi hành xong án phí.

Bị bắt, tạm giam ngày 17/7/2021. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Đoàn Anh Phương V thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, đã chết ngày 17/7/2021.

2. Bà Đỗ Thị Hoàng D2, sinh năm 1975, đã chết ngày 17/7/2021.

Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thanh T2

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1966; cùng trú tại: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là cha mẹ ruột của T2 (ông C có mặt, bà T3 vắng mặt, bà T3 đã có văn bản ủy quyền cho ông C).

2. Cháu guyến Như N, sinh năm 18/02/2014 là con ruột của T2. Đại diện hợp pháp của cháu N là bà Lê Thị Hồng L năm 1993 là mẹ ruột; cùng trú tại: C M, Phường A, Quận H, Thành phố H).

Đại diện hợp pháp của bị hại Đỗ Thị Hoàng D2

1. Bà Đỗ Kim A, sinh năm 1949; trú tại: C B, Phường A, Quận H, Thành phố H là mẹ ruột (có mặt).

2. Bà Võ Kim Thanh H, sinh năm 1991; bà Đỗ Thanh T4, sinh năm 1997; Đỗ Thanh N1 sinh năm 1998; cùng trú tại: C B, Phường A, Quận H, Thành phố H là con ruột (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hồng L; sinh năm 1993; trú tại: C M, Phường A, Quận H, Thành phố H).

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1979; trú tại: 1 M, Phường A, Quận H, Thành phố H (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1960; trú tại: 2 L, Phường A, Quận H, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D cùng Đỗ Thị Hoàng D2 sống chung như vợ chồng từ năm 2011 (không đăng ký kết hôn) tại địa chỉ số A M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/5/2021, sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh Nguyễn Thanh T2 về ở tại nhà số C M, Phường A, Quận H làm nghề giao hàng ở chợ và có quan hệ tình cảm với chị D2. Vào khoảng 19 giờ 45 phút ngày 17/7/2021, D ở nhà mẹ ruột tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận H gọi điện cho chị D2 thì nghi ngờ anh T2 đang trong phòng chị D2. Do ghen tuông nên D lấy một cây kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 23,5cm, phần lưỡi kéo dài khoảng 14cm, cán kéo được bọc nhựa màu trong nhà, giấu ở phía trước bụng rồi

đi bộ đến nhà số A M tìm chị D2. Khoảng 20 giờ 15 phút, D đến nhà nhưng không thấy chị D2, chỉ gặp chị Lê Thị Thu L1 là hàng xóm đang ngồi ăn cơm trong nhà. D nói chuyện xã giao với chị L1 rồi đi lên lầu kiểm tra. Tại đây, D phát hiện anh T2 đang mặc quần lót nằm trong phòng ngủ của D và chị D2, anh T2 thấy D thì mặc quần đùi rồi chạy ra ban công. D đứng đối diện anh T2 dùng tay phải cầm một bên tay cầm của cây kéo, mũi kéo hướng xuống dưới, đâm nhiều nhát vào người anh T2, anh T2 đưa 02 tay lên đỡ rồi xông thẳng vào người D làm D bị đẩy sang một bên, T2 chạy xuống lầu thì D tiếp tục đuổi theo và đâm nhiều nhát vào lưng của anh T2. Anh T2 tiếp tục bỏ chạy ra khỏi nhà hướng ra hẻm S đường M, Phường A, Quận H thì thấy ông Huỳnh Văn S, anh Tiếng n ông S gọi điện báo Công an rồi nằm chết tại bờ kè đối diện nhà số B M, Phường A, Quận H.

Khi anh T2 bỏ chạy ra khỏi nhà, D đi theo sau và đứng ở cửa ra vào, không đuổi theo anh T2. Thấy chị D2 về và đang ngồi trên xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 59C1-650.58 nên D tiếp tục cầm kéo bằng tay phải đâm rồi kéo chị D2 xuống xe mô tô, đâm liên tiếp nhiều nhát vào người chị D2 đến khi gục tại chỗ. Sau đó, D dùng điện thoại của chị D2 gọi cho chị Đỗ Thanh T4 là con gái của chị D2 nói đã dùng kéo đâm chị D2 và kêu chị T4 đến chở chị D2 đi cấp cứu. Sau đó, D đến Công an P, Quận H đầu thú và giao nộp cây kéo, còn chị D2 được đưa đi cấp cứu nhưng đã chết tại Bệnh viện C3.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1047/TT.21 ngày 16/8/2021 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận nguyên nhân chết của Đỗ Thị Hoàng D2: “Choáng mất máu cấp do vết đâm vùng hông lưng trái thấu bụng gây thủng động mạch chủ bụng”.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1048/TT.21 ngày 16/8/2021 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thanh T2: “Choáng mất máu cấp do vết đâm tại khuỷu trái gây đứt động mạch trụ/Đa vết đâm”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 23,5cm, phần lưỡi kéo dài khoảng 14cm, cán kéo được bọc nhựa màu; 01 áo sơ mi trắng, dài tay; 08 tuýp nhựa màu trắng; 02 con dao Thái Lan dài khoảng 21cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng; cán dao bằng nhựa màu vàng, đuôi cán có lỗ hình bầu dục; 01 con dao bào dài khoảng 22cm, lưỡi dao bằng kim loại, một mặt lưỡi có chữ “STAINLESS STEEL”, cán bằng nhựa màu vàng; 01 con dao cán bằng gỗ dài khoảng 35cm, lưỡi dao bằng kim loại, trên một mặt lưỡi có chữ “KIWI BRAND STAINLESS STEEL”; 01 xe máy hiệu Wave, màu xanh, biển số 59C1-650.58, số khung: RLHHC1256FY052493, số máy: HC12E-7052579 do bà Đỗ Thị Hoàng D2 đứng tên. Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho chị Võ Kim Thanh H1 (là con ruột của nạn nhân Đỗ Thị Hoàng D2); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, được niêm phong.

Về yêu cầu bồi thường dân sự:

- Các đại diện hợp pháp của chị **Đỗ Thị Hoàng D2** thống nhất không yêu cầu bồi thường về dân sự, về hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật đối với **Nguyễn Văn D**.

- Gia đình anh **Nguyễn Thanh T2**: chị **Lê Thị Hồng L2** (là vợ, không đăng ký kết hôn với anh **T2**) yêu cầu: tiền mai táng 20.000.000 đồng, tiền hỏa táng 3.600.000 đồng, tiền ướp xác 1.000.000 đồng, tiền gửi cốt 2.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Như N2**, sinh năm 2014 cho đến khi đủ 18 tuổi là 600.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần và là người lao động chính của gia đình 100.000.000 đồng. Tổng số tiền chị **L2** yêu cầu bồi thường là 726.600.000 đồng. Ông **Nguyễn Văn C1** (là cha ruột anh **T2**) yêu cầu được bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền phụng dưỡng già và tổn thất tinh thần. **Nguyễn Văn D** chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 539/CT-VKS-P2 ngày 28/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn D** về tội “Giết người” theo điểm a, n, p khoản 1 Điều 1 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Nguyễn Văn D** đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Giết người” là đúng, không oan sai.

Bà **Đỗ Kim A**, chị **Võ Kim Thanh H1**, chị **Đỗ Thanh T4**, chị **Đỗ Thanh N3** là đại diện hợp pháp của bị hại **Đỗ Thị Hoàng D2** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn D** bồi thường, chỉ đề nghị xử lý nghiêm hành vi của **Nguyễn Văn D**.

Đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thanh T2** gồm: chị **Lê Thị Hồng L2** yêu cầu **Nguyễn Văn D** phải bồi thường: 20.000.000 đồng tiền mai táng, 3.600.000 đồng tiền hỏa táng, 1.000.000 đồng tiền ướp xác, 2.000.000 đồng tiền gửi cốt, 600.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Như N2**, sinh ngày 18/02/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi; 100.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Tổng số tiền chị **L2** yêu cầu bồi thường là 726.600.000 đồng. Ông **Nguyễn Văn C1**, bà **Nguyễn Thị T5** (là cha, mẹ ruột anh **T2**) yêu cầu được bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền phụng dưỡng già và tổn thất tinh thần. Về hình phạt thì đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** thể hiện thái độ hối hận, ăn năn hối cải, đồng ý bồi thường các khoản chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi con bị hại như phía gia đình bị hại **Nguyễn Thanh T2** yêu cầu.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Văn D** về tội “Giết người”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, n, p khoản 1 Điều

123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt **Nguyễn Văn D** tử hình. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản về dân sự cho đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thanh T2** theo quy định của pháp luật, không phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại **Đỗ Thị Hoàng D2**. Đồng thời xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư **Đoàn A1 Phương V** trình bày bài bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn D** thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; do có tình cảm sâu nặng đối với bị hại **D2** nên bị cáo không kiềm chế được hành vi của mình và phạm tội. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức hình phạt tù chung thân.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư, không tranh luận gì thêm.

Đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Tranh luận lại ý kiến của vị luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Luật sư không tranh luận về tội danh mà chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Thành phố Hồ Chí Minh**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Văn D** cũng như đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn D** không có ý kiến về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: bị cáo **Nguyễn Văn D** đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí

Mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được xác định qua bản tự khai, tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; lời khai của người làm chứng; bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y... nên đã có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ mẫu thuẫn ghen tuông do chị **Đỗ Thị Hoàng D2** có quan hệ tình cảm với anh **Nguyễn Thanh T2**, vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 17/7/2021, tại địa chỉ nhà **số A M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**, **Nguyễn Văn D** đã cầm cây kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 23,5cm, phần lưỡi kéo dài khoảng 14cm, cán kéo được bọc nhựa màu bằng tay phải, mũi kéo hướng xuống dưới, đâm nhiều nhát vào người và lưng của anh **T2**. Tiếp đó, **D** thấy chị **D2** đang ngồi trên xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 59C1-650.58 nên tiếp tục cầm kéo bằng tay phải đâm, kéo chị **D2** xuống xe mô tô đâm liên tiếp nhiều nhát vào người chị **D2** đến khi gục tại chỗ. Hậu quả làm cho anh **Nguyễn Thanh T2** chết do choáng mất máu cấp do vết đâm tại khuỷu trái gây đứt động mạch trụ/đá vết đâm; chị **Đỗ Thị Hoàng D2** chết do choáng mất máu cấp do vết đâm vùng hông lưng trái thấu bụng gây thủng động mạch chủ bụng. (Theo bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 1048/TT.21 ngày 16/8/2021 và số 1047/TT.21 ngày 16/8/2021 của **Trung tâm pháp y Thành phố H**).

Với các hành vi như trên, xét đã có cơ sở để kết tội bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp giết nhiều người, có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động nghèo, trình độ học vấn thấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Mặc dù có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như đã kể trên nhưng xét hành vi phạm tội của **Nguyễn Văn D** đã xâm phạm đến tính mạng của người khác, phạm tội với nhiều tình tiết định khung tăng nặng giết nhiều người, có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo rất hung hãn, coi thường tính mạng của người khác, coi thường pháp luật, cố ý tước đoạt tính mạng của người bị hại đến cùng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây tang thương mất mát cho gia đình các nạn nhân, gây hoang mang cho dư luận, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Xét bị cáo không còn khả năng giáo dục, cải tạo được nữa nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với bị cáo theo tội danh và hình phạt quy định tại điểm a, n, p khoản 1 Điều 123 và quy định tại Điều 40, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, loại bỏ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và phòng chống các tội phạm giết người đang ngày một gia tăng.

Lập luận trên cũng là cơ sở để không chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bà **Đỗ Kim A**, chị **Võ Kim Thanh H1**, chị **Đỗ Thanh T4**, chị **Đỗ Thanh N3** là các đại diện hợp pháp của bị hại **Đỗ Thị Hoàng D2** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn D** bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc bị cáo phải bồi thường.

Đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thanh T2** gồm: chị **Lê Thị Hồng L2** yêu cầu **Nguyễn Văn D** phải bồi thường: 20.000.000 đồng tiền mai táng, 3.600.000 đồng tiền hỏa táng, 1.000.000 đồng tiền ướp xác, 2.000.000 đồng tiền gửi cất, 600.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Như N2**, sinh ngày 18/02/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi; 100.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Tổng số tiền chị **L2** yêu cầu bồi thường là 726.600.000 đồng. Ông **Nguyễn Văn C1**, bà **Nguyễn Thị T5** (là cha, mẹ ruột anh **T2**) yêu cầu được bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền phụng dưỡng già và tổn thất tinh thần. Bị cáo **Nguyễn Văn D** đồng ý với yêu cầu của phía gia đình bị hại Tiếng nên căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 591, Điều 593 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản trên cho đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thanh T2**.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển số 59C1-650.58, số khung: RLHHC1256FY052493, số máy: HC12E-7052579 do bà **Đỗ Thị Hoàng D2** đứng tên. Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho chị **Võ Kim Thanh H1** (là con ruột của nạn nhân **Đỗ Thị Hoàng D2**) nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn D** là tài sản cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với cây kéo bằng kim loại; áo sơ mi trắng, dài tay; tuýp nhựa màu trắng; dao Thái Lan; dao bào; dao cán gỗ là những vật dụng không còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự sự tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, n, p khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử

phạt **Nguyễn Văn D** tử hình về tội “Giết người”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 591; Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Ghi nhận bị cáo **Nguyễn Văn D** không phải bồi thường về mặt dân sự cho bà **Đỗ Kim A**, chị **Võ Kim Thanh H1**, chị **Đỗ Thanh T4**, chị **Đỗ Thanh N3** là các đại diện hợp pháp của bị hại **Đỗ Thị Hoàng D2**.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và gia đình bị hại **Nguyễn Thanh T2**:

+ Buộc bị cáo **Nguyễn Văn D** phải bồi thường cho ông **Nguyễn Văn C1** và bà **Nguyễn Thị T5** (là cha, mẹ ruột anh **T2**) số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

+ Buộc bị cáo **Nguyễn Văn D** phải bồi thường cho chị **Lê Thị Hồng L2** số tiền 726.600.000 (bảy trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn D**: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím (không kiểm tra được máy móc bên trong, màn hình bể, không kiểm tra được IMEI do không có nguồn điện).

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 23,5cm, phần lưỡi kéo dài khoảng 14cm, cán kéo được bọc nhựa màu; 02 (hai) con dao Thái Lan dài khoảng 21cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán dao bằng nhựa màu vàng, đuôi cán có lỗ hình bầu dục; 01 (một) con dao bào dài khoảng 22cm, lưỡi dao bằng kim loại, một mặt lưỡi có chữ “STAINLESS STEEL”, cán bằng nhựa màu vàng; 01 (một) con dao cán bằng gỗ dài khoảng 35cm, lưỡi dao bằng kim loại, trên một mặt lưỡi có chữ “KIWI BRAND STAINLESS STEEL”; 01 (một) áo sơ mi trắng, dài tay; 08 (tám) tuýp nhựa màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/061 ngày 24/11/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 36.798.000 (ba mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bị cáo **Nguyễn Văn D** không kháng cáo bản án thì trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được làm đơn gửi đến Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam xin ân giảm án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- Phòng THA-HS; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (8)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/32) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên